HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21 /2024/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Xét Tờ trình số 1268/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa do địa phương thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình 1322).

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322

1. Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh với mức chi cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố: 70% kinh phí thực hiện nhưng không quá 50.000.000 đồng/doanh nghiệp/nội dung.

b) Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: 70% kinh phí thực hiện nhưng không quá 50.000.000 đồng/doanh nghiệp/nội dung.

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp: 70% kinh phí thực hiện nhưng không quá 50.000.000 đồng/doanh nghiệp/nội dung.

d) Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế: 70% kinh phí thực hiện nhưng không quá 20.000.000 đồng/doanh nghiệp/nội dung.

đ) Các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c, d khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất

lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và các quy định hiện hành.

e) Các doanh nghiệp được hỗ trợ các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d khoản này khi tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình 1322 phải bổ sung kinh phí đối ứng, đảm bảo nguồn kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

2. Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322

a) Chi tư vấn xác định nhiệm vụ của Chương trình 1322: thực hiện theo định mức chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND.

b) Chi tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322 (bao gồm chi tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí): thực hiện theo định mức chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND và chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND.

c) Chi kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322: thực hiện theo định mức chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND.

d) Chi tổ chức hội thảo khoa học: thực hiện theo định mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND và các quy định hiện hành.

đ) Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND và các quy định hiện hành.

e) Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang và các quy định hiện hành.

g) Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà

nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh An Giang và các quy định hiện hành.

Điều 3. Một số nội dung, định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.

2. Nguồn đối ứng, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2024.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND-H

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Lê Văn Nưng